

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

*Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CẢNH BÁO TÀI CHÍNH GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KẾ TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ÁRABIC KẾ TOÁN	05-33
BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN HỢP NHẤT	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-33

CÔNG TY CỔ PHẦN V N HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN T NG GIÁM ĐỐC

Ban T ng Giám đốc Công ty Cổ phần V n Hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần V n Hóa Tân Bình là công ty cổ phần chuyên nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và Quy định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp cổ của Công ty V n hóa dịch vụ tổng hợp Tân Bình và cho chuyển đổi thành Công ty Cổ phần V n hóa Tân Bình.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh.

HỘI NGŨ QUẢN TRỊ, BAN T NG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KẾ M SÓAT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tính ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hữu	Chủ tịch
Bà Lê Thị Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
Ông Hans Eberhard Fortenbacher	Thành viên
Ông Lê Văn Nhân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban T ng Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tính ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Hữu	T ng Giám đốc
Bà Lê Thị Hồng Ngọc	Giám đốc điều hành
Ông Trần Quý Tài	Giám đốc Thứ trưởng xuất khẩu
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Kế toán

Các thành viên của Ban Kế m soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phương	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Phó ban
Ông Trần Xoa	Thành viên

KẾ M TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kế m toán (AASC) đã thực hiện kế m toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình, Phường
Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TÀI NGUYÊN GIÁM ĐỐC VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tài Nguyên Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tài sản của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tài Nguyên Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Xác định giá trị và đo lường hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu nào mà các bên liên quan cần biết và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tài Nguyên Giám đốc Công ty thẩm định các số liệu kế toán để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, về mặt trung thực, hợp lý và tính kịp thời của số liệu và thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Ông/ Bà có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tài Nguyên Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty từ thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tài sản cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tài Nguyên Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tài Nguyên Giám đốc

Hoàng Văn Hữu

Tài Nguyên Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

V Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
của Công ty Cổ phần Vn Hóa Tân Bình

Kính g i: Quý c ông, H i ង Qu n tr và Ban T ង Giám c
Công ty C ph n V n Hóa Tân Bình

Chúng tôi ã th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính h p nh t c a Công ty C ph n V n Hóa Tân Bình c l p ngày 16 tháng 03 n m 2011, g m: B ង cân i k toán h p nh t t i ngày 31 tháng 12 n m 2010, Báo cáo k t qu ho t ង kinh doanh h p nh t, Báo cáo l u chuy n ti n t h p nh t và B n thuy t minh báo cáo tài chính h p nh t cho n m tài chính k t thúc ngày 31 tháng 12 n m 2010 c trình bày t trang 05 n trang 33 kèm theo.

Vi c l p và trình bày Báo cáo tài chính h p nh t này thu c trách nhi m c a Ban T ង Giám c Công ty. Trách nhi m c a chúng tôi là a ra ý ki n v các báo cáo này c n c trên k t qu ki m toán c a chúng tôi.

C s ý ki n

Chúng tôi ã th c hi n công vi c ki m toán theo các chu n m c ki m toán Vi t Nam. Các chu n m c này yêu c u công vi c ki m toán l p k ho ch và th c hi n có s m b o h p lý r ង các Báo cáo tài chính h p nh t không còn ch a ង các sai sót tr ng y u. Chúng tôi ã th c hi n vi c ki m tra theo ph ង pháp ch n m u và áp d ង các th nghi m c n thi t, các b ង ch ង xác minh nh ង thông tin trong Báo cáo tài chính h p nh t; ánh giá vi c tuân th các chu n m c và ch k toán hi n hành, các nguyên t c và ph ង pháp k toán c áp d ង, các c tính và xét oán quan tr ង c a Ban T ង Giám c c ង nh cách trình bày t ង quát các Báo cáo tài chính h p nh t. Chúng tôi cho r ង công vi c ki m toán c a chúng tôi ã a ra nh ង c s h p lý làm c n c cho ý ki n c a chúng tôi.

Nh ង v n nh h ង n ý ki n ki m toán viên

Các kho n chênh l ch t giá do ánh giá l i s d cu i k i v i các kho n m c ti n, n ph i tr dài h n và n ph i thu có g c ngo i t c ghi nh n theo Thông t s 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 c a B Tài chính. Riêng chênh l ch t giá do ánh giá l i s d cu i k c a các kho n n ph i tr ង nh n có g c ngo i t phát sinh v i t ង s t i n là 2.530.631.872 VND, trong ó c ghi nh n vào k t qu ho t ង kinh doanh n m 2010 v i s t i n là 1.383.938.099 VND.

Ý ki n c a ki m toán viên

Theo ý ki n c a chúng tôi, ngo i tr v n nêu trên và nh h ង c a chúng, Báo cáo tài chính h p nh t ã ph n ánh trung th c và h p lý trên các khía c nh tr ng y u tình hình tài chính c a Công ty C ph n V n Hóa Tân Bình t i ngày 31 tháng 12 n m 2010, c ង nh k t qu kinh doanh và các lu ង l u chuy n ti n t cho n m tài chính k t thúc ngày 31 tháng 12 n m 2010, phù h p v i chu n m c, ch k toán Vi t Nam hi n hành và các quy nh pháp lý có liên quan.

Chúng tôi l u ý ង i c Báo cáo tài chính: T i thi i m 31/12/2010, kho n l chênh l ch t giá do ánh giá l i s d các kho n m c ti n và các kho n n ង nh n n m nay ង ph n ánh kho n m c "Chênh l ch t giá h i oái" là 1.041.776.623 VND, theo h ង d n c a Chu n m c K toán Vi t Nam thì các kho n chênh l ch t giá này c ghi nh n vào chi phí phát sinh trong k .

Công ty TNHH D ch v T v n Tài chính
K toán và Ki m toán (AASC)

Nguy n Thanh Tùng

Phó T ង Giám c

Ch ង ch KTV s : 0063/KTV

Hà N i, ngày 24 tháng 03 n m 2011

V Xuân Bi n

Ki m toán viên

Ch ង ch KTV s : 0743/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN HỢP NHẤT

Tính ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.877.452.471	119.883.852.714
110	I. Tiền và các khoản thanh toán	4	22.953.387.378	30.919.172.363
111	1. Tiền		19.453.387.378	22.919.172.363
112	2. Các khoản thanh toán		3.500.000.000	8.000.000.000
120	II. Các khoản nợ tài chính ngắn hạn	5	14.834.560.000	17.058.160.000
121	1. Nợ ngắn hạn		14.834.560.000	17.058.160.000
130	III. Các khoản phí thu ngắn hạn		19.791.837.447	25.732.492.265
131	1. Phí thu của khách hàng		18.578.969.514	21.916.433.015
132	2. Trả trước cho người bán		875.548.680	3.692.910.325
135	5. Các khoản phí thu khác	6	935.922.134	1.123.520.721
139	6. Dự phòng phí thu ngắn hạn khó đòi (*)		(598.602.881)	(1.000.371.796)
140	IV. Hàng tồn kho	7	60.381.708.932	44.947.135.275
141	1. Hàng tồn kho		60.381.708.932	44.947.135.275
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.915.958.714	1.226.892.811
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.183.943.469	287.429.065
152	2. Thu GTGT chưa trừ		1.719.993.646	560.257.747
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	12.021.599	379.205.999
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		147.486.924.887	144.944.047.925
220	II. Tài sản cố định		94.837.489.270	99.626.728.851
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	76.832.332.683	83.985.125.170
222	- Nguyên giá		138.964.084.800	138.462.905.155
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(62.131.752.117)	(54.477.779.985)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	12.719.860.943	13.002.679.681
228	- Nguyên giá		14.995.178.935	14.869.728.935
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(2.275.317.992)	(1.867.049.254)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	5.285.295.644	2.638.924.000
240	III. Bât động sản hữu hình	12	40.777.780.545	37.238.354.772
241	- Nguyên giá		46.940.018.402	40.206.111.155
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.162.237.857)	(2.967.756.383)
250	IV. Các khoản nợ tài chính dài hạn	13	8.521.952.870	5.449.283.048
252	2. Nợ vào công ty liên kết, liên doanh		8.399.623.670	5.326.953.848
258	3. Nợ dài hạn khác		122.329.200	122.329.200
260	V. Tài sản dài hạn khác		3.349.702.202	2.629.681.254
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	3.349.702.202	2.629.681.254
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		268.364.377.358	264.827.900.639

BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN HỢP NHẤT

*Tính ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tính theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		60.062.124.739	63.677.389.134
310	I. Nợ ngắn hạn		58.016.099.915	60.355.021.792
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	15	24.291.199.358	38.003.294.861
312	2. Phải trả người bán		9.664.092.877	11.541.743.726
313	3. Nghĩa mua trả tiền trước		4.828.080.000	479.350.111
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.242.394.681	430.964.197
315	5. Phải trả người lao động		1.920.972.978	1.427.763.687
316	6. Chi phí phải trả	17	267.349.226	496.667.308
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	18	15.353.247.569	7.521.269.859
323	11. Quê khen thưởng, phúc lợi		448.763.226	453.968.043
330	II. Nợ dài hạn		2.046.024.824	3.322.367.342
334	4. Vay và nợ dài hạn	19	2.018.565.764	-
336	6. Dự phòng trả công nợ vi phạm		27.459.060	20.496.400
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	3.301.870.942
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		200.542.931.737	201.324.826.011
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	200.542.931.737	201.324.826.011
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		53.562.120.000	53.562.130.000
412	2. Thành lập vốn góp		145.825.164.443	145.825.164.443
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2.140.945.047	1.492.141.699
414	4. Công dư (quỹ) (*).		(10.370.746.687)	(7.940.239.597)
416	6. Chênh lệch giá trị oái		(1.041.776.623)	(66.885.288)
417	7. Quỹ phát triển		910.934.456	489.130.439
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.890.894.333	2.469.090.316
420	10. Lợi nhuận sau thuế chia phần phải		6.625.396.768	5.494.293.999
439	C. LỢI CHỨC ĐỒNG THỜI US		7.759.320.882	(174.314.506)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		268.364.377.358	264.827.900.639

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
2. Vốn đầu tư, hàng hóa nhàn rỗi, nhàn gia công		148.735.948	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.388.433.438	497.634.867
5. Ngoại tệ các loại			
- Dollar Mỹ (USD)		3.645,87	156.484,45
- Euro		522,96	528,42

*Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011***Nguyễn Thị An****Kiểm toán trưởng****Trưởng Giám đốc****Nguyễn Thị An****Nguyễn Thị Xuân****Hoàng Văn Hữu**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2010

Mã số	CH TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	132.787.094.737	154.332.048.138
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	272.666.876	723.865.970
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	132.514.427.861	153.608.182.168
11	4. Giá trị hàng bán	24	118.835.892.804	139.489.723.125
20	5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.678.535.057	14.118.459.043
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.631.693.120	4.823.603.084
22	7. Chi phí tài chính	26	6.891.516.908	6.324.751.949
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.738.310.067	1.656.620.199
24	8. Chi phí bán hàng		1.287.194.399	1.271.548.704
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		4.282.407.037	3.745.588.561
30	10. Lợi nhuận (l) thuần từ hoạt động kinh doanh		5.849.109.833	7.600.172.913
31	11. Thu nhập khác		4.179.979.749	546.434.883
32	12. Chi phí khác		3.335.358.528	208.173.733
40	13. Lợi nhuận khác		844.621.221	338.261.150
45	14. Phân lãi (l) trong công ty liên kết, liên doanh		1.036.669.822	1.190.953.848
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.730.400.876	9.129.387.911
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	1.369.057.720	867.622.070
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.361.343.156	8.261.765.841
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế các công ty sử		(264.053.612)	(174.314.506)
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế các công ty m		6.625.396.768	8.436.080.347
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.414	1.798

Lập, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Hữu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỐ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp giá trị hợp lý)

Năm 2010

Mã số	CH TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
	I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lìnhu n tr c thu		7.730.400.876	9.129.387.911
02	Kh u hao tài s n c nh		15.250.638.973	14.735.661.701
03	Các kho n d phòng		488.851.907	(59.927.047)
04	Lãi, l chênh l ch t giá h i oái ch a th c hi n		1.383.938.099	1.340.835.835
05	Lãi, l t ho t ng ut		(2.337.732.382)	(995.401.237)
06	Chi phí lãi vay		2.738.310.067	1.656.620.199
08	3. Lìnhu n t ho t ng kinh doanh tr c thay ì v n l u ng		25.254.407.540	25.807.177.362
09	T ng, gi m các kho n ph i thu		5.215.895.486	6.860.743.757
10	T ng, gi m hàng t n kho		(15.434.573.657)	(5.247.931.764)
11	T ng, gi m các kho n ph i tr (không k lãi vay ph i tr , thu thu nh p doanh nghi p ph i n p)		10.666.884.755	(3.577.699.690)
12	T ng, gi m chi phí tr tr c		(1.616.535.352)	1.249.343.399
13	Tì n lãi vay ã tr		(2.738.310.067)	(1.693.386.532)
14	Thu thu nh p doanh nghi p ã n p		(657.564.032)	(1.103.824.768)
15	Tì n thu khác t ho t ng kinh doanh		5.157.626.795	2.209.705.938
16	Tì n chi khác cho ho t ng kinh doanh		(5.384.495.113)	(1.461.040.418)
20	L u chuy n tì n thu n t ho t ng kinh doanh		20.463.336.355	23.043.087.284
	II. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động khác			
21	1. Tì n chi mua s m, xây d ng TSC và các tài s n dài h n khác		(17.280.409.107)	(24.773.473.305)
22	2. Tì n thu t thanh lý, nh ng bán TSC và các tài s n dài h n khác		1.332.111.111	7.916.400.000
23	3. Tì n chi cho vay, mua các công c n c a n v khác		(203.916.000)	(8.650.000.000)
24	4. Tì n thu h i cho vay, bán l i các công c n c a n v khác		2.837.832.000	2.800.000.000
25	5. Tì n chi ut góp v n vào n v khác		2.600.000.000	18.410.000
27	7. Tì n thu lãi cho vay, c t c và l i nhu n c chia		2.337.732.382	2.033.979.793
30	L u chuy n tì n thu n t ho t ng ut		(8.376.649.614)	(20.654.683.512)
	III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính			
32	2. Tì n chi tr v n góp cho các ch s h u, mua l i c phí u c a doanh nghi p ã phát hành		(2.430.517.090)	-
33	3. Tì n vay ng n h n, dài h n nh n c		70.262.737.567	73.966.142.912
34	4. Tì n chi tr n g c vay		(84.304.278.887)	(58.056.784.608)
36	6. C t c, l i nhu n ã tr cho ch s h u		(3.580.078.600)	(1.876.924.000)
40	L u chuy n tì n thu n t ho t ng ùi chính		(20.052.137.010)	14.032.434.304

BÁO CÁO L U CHUY N TI N T H P NH T

(Theo phương pháp giá trị)

N m 2010

Mã s	CH TIÊU	Thuyết minh	N m 2010	N m 2009
			VND	VND
50	L u chuy n ti n thu n trong n m		(7.965.450.269)	16.420.838.076
60	Ti n và t ng ng ti n u n m		30.919.172.363	14.547.264.093
61	nh h ng c a thay i t giá h i oái quy i ngo i t		(334.716)	(48.929.806)
70	Ti n và t ng ng ti n cu i n m	4	<u>22.953.387.378</u>	<u>30.919.172.363</u>

L p, ngày 16 tháng 03 n m 2011

Ng il p

K toán tr ng

T ng Giám c

Nguy n Thi An

Nguy n Th Xuân

Hoàng V n i u

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức hoạt động

Công ty Cổ phần Vạn Hóa Tân Bình là công ty cổ phần chuyên nghiệp kinh doanh Nhà sản xuất Công ty Cổ phần theo Nghị định số 28/CP ngày 07/5/1996 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp nhà sản xuất công ty cổ phần và Quyết định số 3336/Q-UB-KT ngày 26/6/1998 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Vạn Hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và cho chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vạn Hóa Tân Bình.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh.

Vốn đầu tư của Công ty là: 53.562.130.000 VND (Năm mua bắt đầu năm đầu tư sáu mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng). Tổng số 5.356.213 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND. Vốn góp thực tế của các cổ đông tính đến thời điểm 31/12/2010 là 53.562.120.000 VND (Năm mua bắt đầu năm đầu tư sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi ngàn đồng), tổng số 5.356.212 cổ phần.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Xí nghiệp Giấy Alta	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất khăn giấy
- Xí nghiệp sản xuất nhựa xuất khẩu	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất túi xốp xuất khẩu
- Xí nghiệp In tổng hợp	TP Hồ Chí Minh	In ấn
- Trung tâm Thương mại & Giải trí Lạc Hồng	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ
- Nhà hàng - Bar - Cafe Blue Star	TP Hồ Chí Minh	Nhà hàng, Bar, cafe
- Khu dịch vụ giải trí hiện tại	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí hiện tại
- Rạp Alta 4D-MovieRide	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D
- Rạp Alta 4D-Max Super Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh phim 4D
- Khu dịch vụ giải trí hiện tại tại Super Tiên	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí hiện tại
- Khu Dịch vụ giải trí hiện tại tại Maximark 3T2	TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh dịch vụ giải trí hiện tại
- Trung tâm Chèn & Khắc thu âm	TP Hồ Chí Minh	Chèn âm
- TT Sản xuất và Phát hành băng đĩa nhạc	TP Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh băng đĩa nhạc
- Trung tâm Phát triển sản phẩm Alta	TP Hồ Chí Minh	Phát triển sản phẩm mới

Ngoài ra, Công ty còn có khách hàng Dịch vụ Vạn Hóa trên toàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các công ty con thuộc quyền kiểm soát tại thời điểm 31/12/2010 bao gồm:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Công ty TNHH ITV Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc ⁽¹⁾	Tp. HCM	100%	100%	Công nghệ, truyền thông
- Công ty TNHH ITV Alta Tân Bình ⁽²⁾	Thành phố Long An	100%	64%	Sản xuất, dịch vụ
- Công ty CP Công nghệ Môi trường Hòa Hồng Dịch vụ (Sunet) ⁽³⁾	Tp. HCM	60%	60%	Sản xuất, dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

- (1) Công ty TNHH 1TV Công nghệ & Dịch vụ Truyền Thông Âu Lạc có vốn đầu tư là 5 tỷ đồng.
 (2) Công ty TNHH 1TV Alta - Tân Bình có vốn đầu tư là 22.197.689.000 đồng.
 (3) Công ty CP Công nghệ Môi trường Hoa Hồng Dịch vụ (Sunet) có vốn đầu tư là 8,5 tỷ đồng.

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Nơi thành lập	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần In Thông tin và Quảng cáo Âu Lạc	Tp. HCM	In ấn, quảng cáo
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển và Thương mại Việt	Tp. HCM	Thông tin minh

Thông tin về các công ty liên doanh và liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Phụ lục minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 0301420079, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 1998 (Số KKKD: 064111) và đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 19 tháng 06 năm 2010 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh ngành in, ngành nh, ngành bao bì, ngành chế biến và thị trường giáo dục;
- Phát hành sách báo, phát hành băng đĩa (audio và video) có chế tạo;
- Kinh doanh thông tin và dịch vụ truyền hình, quảng cáo, rạp hát, chiếu bóng và các loại hình văn hóa vui chơi giải trí;
- Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử; dịch vụ phần mềm tin học; cho thuê, in sang băng đĩa và các dịch vụ liên quan khác; tham gia hoạt động tiếp thị trong và ngoài nước về lĩnh vực văn hóa và kết thúc sản xuất các sản phẩm;
- Sản xuất nguyên liệu cho ngành bao bì; sản xuất mìn;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp; dịch vụ vệ sinh công nghiệp;
- Dịch vụ vận tốc, trang trí, cho thuê tiệc cưới, may mặc, thiết kế thời trang, vận chuyển;
- Lắp ráp máy móc thiết bị điện, sản xuất gia công hàng may mặc, may quần áo;
- Kinh doanh các loại hình văn hóa vui chơi giải trí: bida, patin, trò chơi điện tử;
- Sản xuất, dàn dựng, thu âm, thu hình (audio - video) các chương trình nghệ thuật (có nội dung văn học phép thuật hành);
- Dịch vụ trang trí - sơn sóc da mặt (trading kinh doanh các hoạt động gây cháy máu);
- Sản xuất hoá chất nguyên liệu nhúng composite; sản xuất giấy và các sản phẩm giấy;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà xưởng;
- Mua bán: văn hóa phẩm, sách báo, băng đĩa, có nội dung văn học phép thuật hành (không mua bán băng đĩa hình, băng đĩa nhúng tiếp thị); hàng điện tử, in máy; thiết bị, linh kiện máy vi tính, máy kết thúc (máy chụp nh, máy quay phim, in photo);
- Dịch vụ cung cấp dịch vụ internet (không hoạt động tiếp thị);
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng (không hoạt động tiếp thị); dịch vụ giặt xe;
- Sản xuất, mua bán chai nhúng (không tái chế tiếp thị);
- Đào tạo nghề;
- Dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không kinh doanh dịch vụ tiếp thị và truy cập Internet);
- Bán buôn hàng có cồn - không cồn;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: Thiết kế biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp (không hoạt động tiếp thị);
- Thiết kế giải trí và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động sản xuất phim và chương trình truyền hình;
- Hoạt động hậu cần.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kế toán, đơn vị tính sử dụng trong kế toán

Kế toán kế của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tính sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mô hình quy định chung của Chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thể hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cấu trúc hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát thực tế khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty như sau: thu nhập, chi phí, chi tiêu, lợi ích, hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua đi hoặc cho đến ngày bán kho của công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chênh lệch, các khoản lãi hay lỗ chưa thể hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Lợi ích của công ty sử dụng thì hiện nay như sau: và tài sản không nắm giữ bởi công ty của Công ty và trình bày riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Liên kết với công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chung.

Góp vốn liên doanh

Các nhà đầu tư góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh được lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh cũng là các cơ sở kinh doanh được kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chung.

Tài sản và các khoản nợ ngắn hạn

Tài sản và các khoản nợ ngắn hạn bao gồm tài sản ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thể biến đổi thành tiền trong vòng 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi thành các loại tài sản xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản giảm trừ cho các khoản phải thu khó đòi.

Đề phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi cụ thể vào từng quá trình của các khoản nợ có rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trị giá hàng tồn kho có thể thể hiện được thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thu được có thể thể hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh có liên quan hàng tồn kho đầu vào và trình thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đề phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho hiện tại và giá trị thu được có thể thể hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng được tính phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết quy định, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 07	năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 07	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm
- Quy định khác	48	năm

Tài sản cố định vô hình là quy định và tài sản vô hình khác. Trong đó, quy định được bao gồm chi phí thực tế bỏ ra có quy định và các chi phí khác theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quy định thuộc Lô II-3 Ngõ số 11 Nhóm CN II, Khu Công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.H Chí Minh. Diện tích 9.987 m², thời hạn sử dụng ngày 17/6/2047.

Các khoản ưu đãi hàng

Các khoản ưu đãi tài chính tại thời điểm báo cáo, như:

- Có thể hình thành thu nhập hoặc lợi nhuận không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản ưu đãi coi là "tặng ngay";
- Có thể hình thành thu nhập và lợi nhuận trong 1 chu kỳ kinh doanh để phân bổ lãi tài sản ngắn hạn;
- Có thể hình thành thu nhập và lợi nhuận trên 1 kỳ hạch toán 1 chu kỳ kinh doanh để phân bổ lãi tài sản dài hạn.

Để phòng ngừa giá trị bị lỗ vào thời điểm cuối kỳ là chênh lệch giữa giá gốc của các khoản ưu đãi hạch toán trên sổ kế toán hiện hành giá trị thực tế của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí vay liên quan trực tiếp nên vì cấu trúc xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản dở (còn vốn hoá) khi có các điều kiện quy định trong Chương trình Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí vay".

Chi phí vay liên quan trực tiếp nên vì cấu trúc xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang nên có thể gián tiếp (trên 12 tháng) có thể đưa vào sổ kế toán theo mục đích như chi phí bán hàng được tính vào giá trị của tài sản dở (còn vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chi tiêu cho hoạt động phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kỳ kế toán tiếp theo nên được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn phân bổ dần vào kỳ kế toán tiếp theo kinh doanh trong các niên kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mục đích và lợi ích chi phí chi phí chi phí pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp tương ứng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế phát sinh nhưng chưa trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng một số khoản chi phí phát sinh thực tế không gây thiệt hại cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở một nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đã phát sinh, nhưng có chênh lệch giữa số trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tổn thất chi phí thanh toán nghĩa vụ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi nhánh hoặc đơn vị chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập báo cáo tài chính bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả.

Khoản chênh lệch giữa sổ dự phòng phải trả đã lập kế toán trước và sổ dự phòng phải trả lập kế toán báo cáo hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch hiện hành của khoản dự phòng phải trả vào bảng cân đối kế toán hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận và đo lường

Vấn đề đo lường và ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận theo số chênh lệch giữa số vốn/hoặc số vốn ghi giá trị thực phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu sau. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu sau ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vấn đề đo lường và ghi nhận theo giá trị còn lại giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp phải các tài sản, cá nhân khác trả, bị mất sau khi trừ (-) các khoản thu nhập (nếu có) liên quan đến các tài sản đó, bị mất này; và khoản bổ sung kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ ghi nhận theo giá trị thực và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (l) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chia phân phối là số lợi nhuận thực của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản chi phí chi trả do áp dụng hình thức thay đổi chính sách kế toán và chi phí chi trả sai sót trong quá trình các kiểm tra. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối có thể chia cho các nhà đầu tư dựa trên tổng lợi nhuận sau thuế khi Hội đồng Quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bất thường

Các nghiệp vụ phát sinh bất thường khác với nghiệp vụ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch giá trị thực phát sinh trong năm ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Từ ngày kết thúc kế toán năm, các khoản nợ tín dụng, nợ phải thu và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch giá do đánh giá lại số dư in m.c.a các khoản tín dụng và các khoản nợ phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ phản ánh khoản mục “Chênh lệch giá hối hối” trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và số năm sau ghi bút toán ngược lại xóa sổ; chênh lệch giá do đánh giá lại số dư in m.c.a các khoản nợ phải thu dài hạn và nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng ghi nhận khi kết thúc thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu có thể xác định được một cách chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó có thể xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công vì công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

- Doanh thu được xác nhận bằng lịch kế toán;
- Có khoản nợ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Xác nhận công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác nhận chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác nhận theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tín dụng, cho vay, lãi, chiết khấu và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thanh toán hai (2) kỳ sau:

- Có khoản nợ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch;
- Doanh thu được xác nhận bằng lịch kế toán.

Chiết khấu, lãi, chiết khấu được ghi nhận khi Công ty quy định cho các quy định liên quan đến việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho các khoản lãi liên quan đến các hoạt động tài chính;
- Chi phí cho vay và cho vay vốn;
- Các khoản chi do thay đổi giá trị của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài sản.

Các khoản trên được ghi nhận theo từng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thu

Thu hiện hành

Tài sản thu và các khoản thu phải nộp cho khách hàng hiện hành và các khoản chi được xác định bằng số tiền đã nhận phải nộp cho (hoặc thu hộ) các quan thuế, dựa trên các mức thu suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kế toán năm.

Trong năm 2010, Thuế suất thuế TNDN Công ty áp dụng là 25%. Riêng dự án rạp chiếu phim Alta 4D-MovieRide và 4D Max Suối Tiên Công ty được giảm 50% thuế TNDN với mức thu suất áp dụng là 10%. Dự án nâng cao năng suất xử lý nước thải của các nhà máy TNDN theo hướng dẫn tại Thông Tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài Chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Thu thu nhập hoãn lại

Thu thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kế toán kế thừa các tính thuế thu nhập cá nhân và các khoản chi phí và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thu thu nhập hoãn lại và thu thu nhập hoãn lại phải được xác định theo thuế suất tính áp dụng cho các tài sản thu hộ hay nộp hộ thanh toán, dựa trên các mức thu suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

3 . I U CH NH H I T

Ch tiêu	Mã số	31/12/2009	31/12/2009	Chênh lệch ⁽¹⁾
		(Trợ cấp ưu đãi)	(Ưu đãi)	
		VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
- Thu và các khoản phí nhà sản xuất	314	824.603.994	430.964.197	(393.639.797)
- Chênh lệch giá hối đoái	416	(1.170.389.113)	(66.885.288)	1.103.503.825
- Lãi nhuận sau thuế phân phối	420	6.204.158.027	5.494.293.999	(709.864.028)
BC Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Chi phí tài chính	25	5.221.248.124	6.324.751.949	1.103.503.825
BC Lưu chuyển tiền tệ				
- Lãi nhuận trước thuế	01	10.232.891.736	9.129.387.911	(1.103.503.825)
- Lãi, chênh lệch giá hối đoái chuyển đổi	04	237.332.010	1.340.835.835	1.103.503.825

(1) Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện ưu đãi về khoản chênh lệch giá hối đoái do ảnh hưởng từ ngày 31/12/2009 của các khoản phí trích ngân hàng có gốc ngoại tệ theo pháp luật hiện hành như sau:

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hạch toán chênh lệch giá do ảnh hưởng từ ngày 31/12/2009 của các khoản nợ, phí thu và phí trích gốc ngoại tệ, tuy nhiên về khoản chênh lệch giá do ảnh hưởng các khoản công nợ trích ngân hàng có gốc ngoại tệ thì từ ngày 31/12/2009 về giá trị là 1.103.503.825 VND đã được Công ty xác nhận và ưu đãi ưu đãi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2009. Nguyên nhân Công ty lựa chọn pháp luật hiện hành này là theo Thông tư 177/2009/TT-BTC ngày 10/09/2009 của Bộ Tài chính quy định chênh lệch giá do ảnh hưởng từ các khoản công nợ trích ngân hàng nội địa xác nhận là chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm.

4 . TI N VÀ CÁC KHO N T NG NG TI N

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	12.373.972.858	12.029.682.421
Tiền gửi ngân hàng	7.079.414.520	10.889.489.942
Các khoản nợ ngắn hạn	3.500.000.000	8.000.000.000
	22.953.387.378	30.919.172.363

(1) Số dư từ ngày 31/12/2010 của khoản các khoản nợ ngắn hạn là khoản nợ ngắn hạn có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với kỳ hạn là 01 tháng và lãi suất là 14%/năm.

5 . CÁC KHO N UT TÀI CHÍNH NG NH N

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ước tính khác ⁽¹⁾	14.834.560.000	17.058.160.000
	14.834.560.000	17.058.160.000

(1) Bao gồm các khoản cho các tổ chức và cá nhân vay với lãi suất từ 12%/năm đến 18%/năm và kỳ hạn cho vay là 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

6 . CÁC KHOẢN PHÍ THU NGÀNH NHẬN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Phí thu về cổ tức và lợi nhuận chia	188.000.000	376.000.000
Phí thu về lãi cho vay của các chi nhánh	541.324.000	379.359.100
Phí thu về thu GTGT hoàn	58.058.954	29.442.117
Phí thu khác	148.539.180	338.719.504
	935.922.134	1.123.520.721

7 . HÀNG TÀI KHOẢN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.008.632.156	26.678.362.971
Công cụ, dụng cụ	1.080.173.055	860.318.844
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.271.506.559	1.110.544.094
Thành phẩm	16.944.053.214	15.010.491.391
Hàng hoá	2.077.343.948	1.287.417.975
	60.381.708.932	44.947.135.275

8 . TÀI SẢN NGÀNH NHẬN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	12.021.599	45.229.251
Các khoản thanh toán, ký quỹ, ký cược	-	333.976.748
	12.021.599	379.205.999

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

9. TÀI SẢN NH HỮU HÌNH

	Nhà c a, v t k i n trúc	Máy móc, thi t b	Ph ng ti n v n t i, truy n d n	Thi t b , d ng c qu n lý	Tài s n c nh khác	C ng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
S d u n m	23.728.726.807	111.737.714.682	2.413.367.852	414.798.105	168.297.709	138.462.905.155
S t ng trong n m	1.199.658.754	4.435.253.592	277.037.818	89.577.273	-	6.001.527.437
- Mua s m m i	-	4.435.253.592	277.037.818	89.577.273	-	4.801.868.683
- u t XDCB hoàn thành	1.199.658.754	-	-	-	-	1.199.658.754
S gi m trong n m	(345.482.333)	(4.921.646.412)	(222.419.047)	(10.800.000,00)	-	(5.500.347.792)
- Thanh lý, nh ng bán	(345.482.333)	(4.921.646.412)	(222.419.047)	(10.800.000)	-	(5.500.347.792)
S d c u i n m	24.582.903.228	111.251.321.862	2.467.986.623	493.575.378	168.297.709	138.964.084.800
Giá tr hao mòn l y k						
S d u n m	6.315.753.230	47.107.602.266	841.808.839	196.676.938	15.938.712	54.477.779.985
S t ng trong n m	1.739.674.501	9.305.205.065	492.494.828	99.888.579	10.625.788	11.647.888.761
- Trích kh u hao	1.739.674.501	9.305.205.065	492.494.828	99.888.579	10.625.788	11.647.888.761
S gi m trong n m	-	(3.771.497.582)	(222.419.047)	-	-	(3.993.916.629)
- Thanh lý, nh ng bán	-	(3.771.497.582)	(222.419.047)	-	-	(3.993.916.629)
S d c u i n m	8.055.427.731	52.641.309.749	1.111.884.620	296.565.517	26.564.500	62.131.752.117
Giá tr còn l i						
T i ng à y u n m	17.412.973.577	64.630.112.416	1.571.559.013	218.121.167	152.358.997	83.985.125.170
T i ng à y c u i n m	16.527.475.497	58.610.012.113	1.356.102.003	197.009.861	141.733.209	76.832.332.683

Trong ó

- Nguyên giá tài sản nh c u i n m ã kh u hao h t nh ng v n còn s d ng: 25.089.002.572 ng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

10. TÀI SẢN VÀ NHỮNG VỐN

	Giá trị quy định đồng VND	Tài sản và vốn khác VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	14.629.927.335	239.801.600	14.869.728.935
S tăng trong năm	-	125.450.000	125.450.000
- Mua sắm mới	-	125.450.000	125.450.000
S giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	14.629.927.335	365.251.600	14.995.178.935
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.731.534.317	135.514.937	1.867.049.254
S tăng trong năm	352.147.953	56.120.785	408.268.738
- Trích khấu hao	352.147.953	56.120.785	408.268.738
S giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.083.682.270	191.635.722	2.275.317.992
Giá trị còn lại			
Tính ngày đầu năm	12.898.393.018	104.286.663	13.002.679.681
Tính ngày cuối năm	12.546.245.065	173.615.878	12.719.860.943

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐANG

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Xây dựng cơ bản đang	5.096.886.553	2.179.330.000
- Chi phí Trung tâm thương mại - Alta Plaza	4.639.743.696	817.409.660
- Dự án Cao ốc Văn phòng	-	1.156.943.952
- Dự án Xưởng an - Việt	-	204.976.388
- Văn phòng Công ty Truyền thông Âu Lạc (Công ty con)	457.142.857	-
Mua sắm tài sản cố định	-	234.180.000
- Chuyển giao thành quả nghiên cứu (thành tựu Quaker)	-	234.180.000
Sách và tài sản cố định	188.409.091	225.414.000
- Nâng cấp TSC (Xí nghiệp Bao bì nhựa)	90.909.091	225.414.000
- Nâng cấp TSC (Phòng kế toán)	97.500.000	-
	5.285.295.644	2.638.924.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

12. BẢNG NGUỒN VỐN

	C s h t ng VND
Nguyên giá	
S d u n m	40.206.111.155
S t ng trong n m	6.733.907.247
- T ng khác	6.733.907.247
S d c u i n m	46.940.018.402
Giá tr hao mòn l y k	
S d u n m	2.967.756.383
S t ng trong n m	3.194.481.474
- Trích kh u hao	3.194.481.474
S g i m trong n m	-
S d c u i n m	6.162.237.857
Giá tr còn l i	
T i ng à y u n m	37.238.354.772
T i ng à y c u i n m	40.777.780.545

13. CÁC KHOẢN VỐN TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
v t vào công ty liên k t, liên doanh	8.399.623.670	5.326.953.848
- Công ty Cổ phần In Thành m i Quận cáo Âu L c	5.985.878.321	5.326.953.848
- Công ty TNHH H p Tác Phát Tri n an Vi t	2.413.745.349	-
v t dài h n khác	122.329.200	122.329.200
	8.521.952.870	5.449.283.048

v t vào công ty liên k t

Thông tin chi ti t v các công ty liên k t c a Công ty vào ngày 31/12/2010 nh sau:

Tên công ty	N i thành l p và T l l i ích h o t ng	T l quy n b i u quy t	H o t ng kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thành m i Quận cáo Âu L c	TP. HCM	47,00%	In n, qu ng cáo
Tên công ty	Giá g c c a kho n u t	i u ch nh l y k n ngày 31/12/2010	Lãi trong n m
Công ty Cổ phần In Thành m i Quận cáo Âu L c	4.700.000.000	1.285.878.321	2.601.966.963

Thông tin tóm t t v tình hình tài chính c a công ty liên k t:

S l i u trên B ng cân i k toán c a công ty liên k t	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
- Tài s n ng n h n	7.957.661.611	7.986.918.498
- Tài s n dài h n	8.320.772.758	7.810.569.728
- N ng n h n	3.206.052.945	3.663.543.867
- N dài h n	18.848.420	-
Giá tr tài s n thu n	13.053.533.004	12.133.944.359
Ph n s h u trong tài s n thu n c a công ty liên k t	6.135.160.512	5.702.953.849

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Số liệu trên BCKQH Kế toán của công ty liên kết	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Tổng doanh thu thuần	28.583.069.055	19.082.383.949
- Lợi nhuận sau thuế	2.601.966.963	2.533.944.359
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của các công ty liên kết		
- Tổng doanh thu thuần	13.434.042.456	8.968.720.456
- Lợi nhuận sau thuế	1.222.924.473	4.215.298.614

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và họ tên	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quy định	Họ tên kinh doanh chính
Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển An Việt	Tp. HCM	50,00%	50,00%	Sản xuất các loại thông minh bằng giấy
Công ty CP Y Khoa Song An ⁽¹⁾	Thành phố H Chí Minh	50%	50%	Y tế, bệnh viện

(1) Công ty Cổ phần Y Khoa Song An đang trong quá trình góp vốn và chuyển nhượng chính thức vào hoạt động.

Tên công ty	Giá gốc của khoản đầu tư	Giá trị chính sách ngày 31/12/2010	Lãi trong năm
Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển An Việt	2.600.000.000	(186.254.651)	(372.509.301)

Thông tin tóm tắt về tình hình tài chính của các công ty liên doanh:

Số liệu trên Bảng cân đối kế toán của công ty liên doanh	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Tài sản ngắn hạn	3.578.962.725	-
- Tài sản dài hạn	4.938.879.390	-
- Nguyên nhân	2.290.519.942	-
- Nguyên nhân	-	-
Giá trị tài sản thuần	6.227.322.173	-
Phần sở hữu trong tài sản thuần của công ty liên doanh	3.113.661.087	-

Số liệu trên BCKQH Kế toán của công ty liên doanh	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
- Tổng doanh thu thuần	151.456.000	-
- Lợi nhuận sau thuế	(372.509.301)	-
Phần sở hữu trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh		
- Tổng doanh thu thuần	75.728.000	-
- Lợi nhuận sau thuế	(186.254.651)	-

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư cố định		122.329.200		122.329.200
- Công ty Cổ phần Độc lập Nghệ An	7.315	62.829.200	7.315	62.829.200
- Công ty Cổ phần Giấy L. Hoa	5.450	59.500.000	5.450	59.500.000
		122.329.200		122.329.200

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

14. CHI PHÍ TRƯỞNG DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí xây dựng các công trình cơ bản	128.661.137	44.980.888
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn	348.023.194	64.157.877
Giá trị còn lại của TSC do phá dỡ ⁽¹⁾	922.398.455	1.034.059.104
Chi phí chia phân bổ Trung tâm thương mại - Alta Plaza	310.255.133	818.028.348
Chi phí chia phân bổ cho Dự án Ly gia ý	-	41.147.568
Chi phí chia phân bổ cho Dự án Thương - Việt	-	120.055.260
Chi phí chia phân bổ các rạp phim 4D Suối Tiên	59.671.963	16.529.511
Chi phí Báo chí báo cáo gần hình Diot phát quang	1.548.374.138	442.954.519
Chi phí trả dài hạn khác	32.318.182	47.768.179
	3.349.702.202	2.629.681.254

(1) Chi trị giá trị còn lại của TSC do phá dỡ bao gồm:

- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/01/BB-06 ngày 20 tháng 01 năm 2006, giá trị còn lại của Rạp xiếc là 1.216.606.488 VND sau khi trừ chi phí lưu giữ là 100.000.000 VND hạch toán vào chi phí chia phân bổ dài hạn với số tiền: 1.116.606.488 VND. Dự án Trung tâm thương mại - Alta Plaza là dự án xây dựng trên nền Rạp xiếc. Dự án chính thức đi vào hoạt động tháng 07/2008, Công ty thực hiện phân bổ vào chi phí kinh doanh trong kỳ với thời gian phân bổ là 10 năm, bắt đầu từ khi đi vào hoạt động. Chi phí chia phân bổ dài hạn chia phân bổ hết tính đến thời điểm ngày 31/12/2010 là 846.759.920 VND;
- Theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 01/06/BBH-QT-09 ngày 30 tháng 06 năm 2009, giá trị còn lại của căn nhà số 284-286 Hoàng Văn Thập để xây dựng Cửa hàng Kinh doanh hạch toán vào chi phí chia phân bổ dài hạn với số tiền: 75.638.535 VND.

15. VAY VÀ NỢ NHẬN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	23.079.811.358	38.003.294.861
- Vay ngân hàng	23.079.811.358	38.003.294.861
Nợ dài hạn nhận trả	1.211.388.000	-
	24.291.199.358	38.003.294.861

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay Ngân hàng	23.079.811.358	38.003.294.861
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình ⁽¹⁾	17.204.219.662	26.299.142.632
Ngân hàng TMCP Á Châu - SGD ⁽²⁾	5.875.591.696	11.704.152.229
	23.079.811.358	38.003.294.861

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

(1) Khoản tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình theo hợp đồng tín dụng ghi nhận các điều kiện sau:

- Hợp đồng tín dụng ghi nhận các số 0188/TaB1/09LD ngày 14/08/2009 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Vĩnh Hóa Tân Bình với các điều kiện quy định như:
 - + Hạn mức tín dụng: 30 triệu đồng;
 - + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: Thời hạn vay tính theo từng kỳ 6 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi vay áp dụng năm 2010 là 12%/năm-18%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0253/TaB1/10LD ngày 27/08/2010 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình và Công ty Cổ phần Vạn Hóa Tân Bình với các điều khoản quy định như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng;
- + Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn trả nợ: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Thời hạn vay: Theo quy định trong hợp đồng tín dụng, tối đa không quá 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất áp dụng năm 2010 áp dụng vay Ngân hàng Việt Nam là 12%/năm - 18%/năm và vay bằng đô la Mỹ là 6,5%/năm - 7,2%/năm.

(2) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 84390999 ngày 19/08/2010 giữa Sở Giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Vạn Hóa Tân Bình với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Hạn mức tín dụng là 32 tỷ đồng và 500.000 đô la Mỹ;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và bổ lãnh các loại;
- + Thời hạn trả nợ: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Thời hạn vay: Theo quy định trong hợp đồng tín dụng, tối đa không quá 9 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định trong hợp đồng tín dụng; trong năm 2010 là 12%/năm - 18%/năm đối với khoản vay bằng VND và 6,5%/năm - 7,2%/năm đối với khoản vay bằng USD;

Chi tiết tài sản dài hạn và nợ dài hạn - Vay dài hạn và nợ dài hạn**16. THU VÀ CÁC KHOẢN PHỤ TẠNG**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thu Giá trị gia tăng	19.403.636	-
Thu Xuất khẩu, Nhập khẩu	15.579.899	5.959.770
Thu Thu nhập doanh nghiệp	1.107.872.039	396.378.351
Thu Thu nhập cá nhân	99.539.107	28.626.076
	1.242.394.681	430.964.197

Quy trình toán thuế của Công ty sẽ được kiểm tra các quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế khác nhau có thể dẫn đến các ghi nhận khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quy định của các quan thuế.

17. CHI PHÍ PHỤ TẠNG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trích lãi vay phụ trợ	-	166.724.667
Trích trích chi phí thuê mặt bằng	120.663.764	194.335.349
Trích trích chi phí sản xuất	102.300.189	121.978.136
Trích trích chi phí phụ trợ khác	44.385.273	13.629.156
	267.349.226	496.667.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

18. CÁC KHOẢN PHÍ LỢI TRẢ, PHÍ IN PING NHẬN KHÁC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.591.420	1.732.320
Bồi hiểm xã hội	52.144.736	97.421.640
Bồi hiểm y tế	412.200	2.341.280
Bồi hiểm thất nghiệp	171.750	-
Phí trích khấu hao tài sản Công ty Alta - Tân Bình	-	-
Nhận nợ trả nợ của Công ty Tân Thuận Tín (1)	10.930.252.000	-
Nhận góp vốn Dự án an Việt	989.881.215	-
Phí trích doanh thu liên kết tòa nhà Alta - Unique	892.932.550	-
Phí trích, phí in p khác	2.485.861.698	7.419.774.619
- Phí trích ngân sách	2.157.446.342	5.867.788.813
- Chi phí thuê bất động sản	165.908.753	1.491.315.664
- Khác	162.506.603	60.670.142
	15.353.247.569	7.521.269.859

(1) Theo Hợp đồng cho thuê chuyển nhượng vốn và quyền sử dụng của Công ty TNHH M.T thành viên Alta-Tân Bình (Công ty con) số 01/2010/H-CNV ngày 01/10/2010 giữa Công ty TNHH M.T thành viên Alta-Tân Bình và Công ty TNHH SX TM DV Tân Thuận Tín và các nội dung cơ bản như sau:

- Thời gian hoàn tất thủ tục chuyển nhượng trong quý I năm 2011;
- Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản Công ty Cổ phần Vạn Hóa Tân Bình (Công ty mẹ).

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	2.018.565.764	-
- Vay Ngân hàng TMCP Á Châu - S giao dịch ⁽¹⁾	2.018.565.764	-
	2.018.565.764	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn Ngân hàng

(1) Hợp đồng tín dụng trung-dài hạn số 84379909 ngày 19/08/2010 giữa S giao dịch Ngân hàng TMCP Á Châu và Công ty Cổ phần Vạn Hóa Tân Bình với các điều khoản cơ bản như sau:

- + Hạn mức cho vay tối đa là 5 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Chi tiêu sản phẩm Trung tâm Thương mại Alta Plaza (số 91B2 Đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh);
- + Thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu;
- + Lãi suất quy định trong hợp đồng vay: Lãi suất áp dụng năm 2010 dao động từ 14%/năm đến 18%/năm;
- + Số gốc vay dài hạn phải trả trong năm tài chính tiếp theo là 1.211.388.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng chi ubi n ng c a v n ch s h u

	V n u t c a Ch s h u VND	Th ng d v n c ph n VND	V n khác c a Ch s h u VND	C phi u qu VND	Chênh l ch t giá h i oái VND	Qu u t phát tri n VND	Qu d phòng tài chính VND	L i nhu n ch a phân ph i VND	C ng VND
S d u n m tr c	49.339.050.000	145.814.255.352	1.492.141.699	(7.938.039.597)	-	489.130.439	2.272.132.596	4.233.966.812	195.702.637.301
T ng v n trong n m	4.223.080.000	-	-	-	-	-	-	-	4.223.080.000
Lãi trong n m tr c	-	-	-	-	-	-	-	8.436.080.347	8.436.080.347
T ng khác	-	10.909.091	-	(2.200.000)	-	-	537.874.580	-	546.583.671
Gi m khác	-	-	-	-	(66.885.288)	-	(340.916.860)	(7.175.753.160)	(7.583.555.308)
S d cu i n m tr c	53.562.130.000	145.825.164.443	1.492.141.699	(7.940.239.597)	(66.885.288)	489.130.439	2.469.090.316	5.494.293.999	201.324.826.011
Lãi trong n m	-	-	-	-	-	-	-	6.625.396.768	6.625.396.768
Hoàn nh p chênh l ch t giá u n m	-	-	-	-	66.885.288	-	-	-	66.885.288
Chi tr c t c t 2 n m 2009 (1)	-	-	-	-	-	-	-	(3.580.078.600)	(3.580.078.600)
ánh giá chênh l ch t giá cu i n m	-	-	-	-	(1.041.776.623)	-	-	-	(1.041.776.623)
Mua c phi u qu	-	-	-	(2.430.517.090)	-	-	-	-	(2.430.517.090)
Trích vào các qu (1)	-	-	648.803.348	-	-	421.804.017	421.804.017	(1.492.411.382)	-
Trích vào qu khen th ng, phúc l i (1)	-	-	-	-	-	-	-	(421.804.017)	(421.804.017)
Gi m khác	(10.000)	-	-	10.000	-	-	-	-	-
S d cu i n m nay	53.562.120.000	145.825.164.443	2.140.945.047	(10.370.746.687)	(1.041.776.623)	910.934.456	2.890.894.333	6.625.396.768	200.542.931.737

(1) Công ty ã công b v vi c phân ph i l i nhu n n m 2009 t i Ngh quy t c a i h i ng c ô ng th ng niên s 01/NQ HC /2010 ngày 26 tháng 03 n m 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

b) Chi tiết về nguồn cách s h u

	Cu i n m	T l	u n m	T l
	VND	%	VND	%
V n góp c a Nhà n c	6.519.830.000	12,17%	6.519.830.000	12,17%
V n góp c a i t ng khác	47.042.290.000	87,83%	47.042.300.000	87,83%
	53.562.120.000	100%	53.562.130.000	100%

c) Các giao dịch về nguồn cách s h u và phân phối c, chia l i nh u n

	N m nay	N m tr c
	VND	VND
V n ut c ach s h u	53.562.120.000	53.562.130.000
- V n góp u n m	53.562.130.000	49.339.050.000
- V n góp t ng trong n m	-	4.223.080.000
- V n góp gi m trong n m	10.000	-
- V n góp cu i n m	53.562.120.000	53.562.130.000
C t c, l i nh u n ã chia	3.580.078.600	6.100.004.000
- C t c, l i nh u n chia trên l i nh u n k tr c	3.580.078.600	1.876.924.000
- C t c, l i nh u n t m chia trên l i nh u n k này	-	4.223.080.000

d) C phi u

	Cu i n m	u n m
S l ng c phi u ng ký phát hành	5.356.213	5.356.213
S l ng c phi u ã bán ra công chúng	5.356.212	5.356.213
- C phi u ph thông	5.356.212	5.356.213
S l ng c phi u c mua l i	365.414	241.815
- C phi u ph thông	365.414	241.815
S l ng c phi u ang l u hành	4.990.798	5.114.398
- C phi u ph thông	4.990.798	5.114.398

M nh giá c phi u ang l u hành: 10.000 VND/c phi u

e) Các qu công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Qu ut phát tri n	910.934.456	489.130.439
Qu d phòng tài chính	2.890.894.333	2.469.090.316
	3.801.828.789	2.958.220.755

21. T NG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG C P D CH V

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Doanh thu bán thành ph m và hàng hóa	100.815.779.477	130.940.659.646
Doanh thu cung c p d ch v	31.971.315.260	23.391.388.492
	132.787.094.737	154.332.048.138

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

22 . CÁC KHOẢN NGIỂM TRẢ DOANH THU

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Hàng bán buôn	272.666.876	723.865.970
	272.666.876	723.865.970

23 . DOANH THU THU NHẬP BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm và hàng hóa	100.543.112.601	130.216.793.676
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	31.971.315.260	23.391.388.492
	132.514.427.861	153.608.182.168

24 . GIÁ TRỊ HÀNG BÁN

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Giá trị thuần của thành phẩm và hàng hóa đã bán	90.524.714.676	123.704.961.554
Giá trị thuần của dịch vụ đã cung cấp	28.311.178.129	15.784.761.571
	118.835.892.804	139.489.723.125

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Lãi từ ngân hàng, tín dụng	2.337.732.382	1.170.184.651
Chiết khấu, lãi nhận được	-	565.712.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.293.960.738	3.087.706.433
	4.631.693.120	4.823.603.084

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Lãi từ ngân hàng	2.738.310.067	1.656.620.199
Chi phí thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	34.602.851	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.734.665.891	3.327.295.915
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.383.938.099	1.340.835.835
	6.891.516.908	6.324.751.949

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

27 . CHI PHÍ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHÂN HÀNH

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Chi phí thu TNDN tính trên thu nhập chủ thu năm hiện hành	1.369.057.720	867.622.070
	1.369.057.720	867.622.070

28 . LÃI CỐN TRÊN CHI PHÍ

Việc tính toán lãi cốon trên chi phí có thể phân phối cho các công sở hoặc phân phòng của Công ty có thể chi tiết dưới đây sau:

	N m 2010	N m 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	6.625.396.768	8.436.080.347
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho công sở hoặc chi phí phòng	6.625.396.768	8.436.080.347
Chi phí phòng lư hành bình quân trong kỳ	4.686.780	4.692.310
Lãi cốon trên chi phí	1.414	1.798

29 . NHẬN XÉT KINH PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính để điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30. THÔNG TIN BÁO CÁO BẢNG PHÂN

a). Thông tin báo cáo bảng phân theo lĩnh vực kinh doanh

STT	Chi tiêu	Hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp, nhả	Hoạt động chi u phim 3D, 4D	Hoạt động in ấn	Dịch vụ truyền thông	Hoạt động khác	Cộng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Năm 2010</i>							
1	Doanh thu thu nhập từ các thị trường ngoài	91.411.724.501	5.839.664.251	9.966.081.642	10.167.927.948	15.401.696.395	132.787.094.737
2	Doanh thu thu nhập từ các bảng phân khác	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí khấu hao và chi phí phân bổ	6.986.916.564	3.019.620.655	1.167.032.169	2.137.468.200	5.426.650.527	18.737.688.114
4	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh trước thuế	6.248.987.749	42.534.863	806.382.682	164.862.948	467.632.634	7.730.400.876
5	Tổng chi phí phát sinh mua tài sản dài hạn	10.721.901.214	1.207.594.527	1.167.032.169	2.137.468.200	6.639.256.484	21.873.252.594
<i>Tính ngày 31 tháng 12 năm 2010</i>							
1	Tài sản phân bổ	89.851.380.680	18.382.500.121	11.726.390.035	5.484.395.037	28.550.029.230	153.994.695.103
2	Tài sản không phân bổ				-	-	114.369.682.255
Tổng tài sản		89.851.380.680	18.382.500.121	11.726.390.035	5.484.395.037	28.550.029.230	268.364.377.358
1	Nợ phải trả phân bổ	19.882.999.295	474.071.227	1.009.342.537	7.795.904.179	13.626.224.588	42.788.541.826
2	Nợ phải trả không phân bổ				-	-	17.273.582.913
Tổng nợ phải trả		19.882.999.295	474.071.227	1.009.342.537	7.795.904.179	13.626.224.588	60.062.124.739

b). Thông tin báo cáo bảng phân theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu tại văn phòng TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Ngõ số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

31. NGHỊ ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2010</u> VND	<u>Năm 2009</u> VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển An Việt	Công ty liên doanh	2.600.000.000	-
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần In Thành Mỹ Quận Cầu Giấy	Công ty liên kết	1.083.105.973	1.824.908.091
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển An Việt	Công ty liên doanh	2.039.769.528	
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần In Thành Mỹ Quận Cầu Giấy	Công ty liên kết	174.104.750	180.273.400
Chiết khấu			
- Công ty Cổ phần In Thành Mỹ Quận Cầu Giấy	Công ty liên kết	564.000.000	564.000.000

Sử dụng với các bên liên quan tại ngày kết thúc kế toán như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2010</u> VND	<u>01/01/2010</u> VND
Phải thu			
- Công ty Cổ phần In Thành Mỹ Quận Cầu Giấy	Công ty liên kết	261.373.005	636.861.096
- Công ty TNHH Hợp Tác Phát Triển An Việt	Công ty liên doanh	2.243.746.480	-
Phải trả			
- Công ty Cổ phần In Thành Mỹ Quận Cầu Giấy	Công ty liên kết	48.454.725	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN HÓA TÂN BÌNH

Địa chỉ: Lô II-3, Nhóm 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,
Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, TP.H Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

32. S LƯỢNG SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi kế toán và do những nguyên nhân khác nhau được minh chứng 3 - nguyên nhân khác nhau. Theo Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 sử dụng Quy định, Phụ lục trình bày trong mẫu ngân hàng thay cho trích yếu trình bày trong mẫu văn bản số và sử dụng Doanh thu chưa thực hiện trình bày trong mẫu dài hạn thay cho trích yếu trình bày trong mẫu ngân hàng, cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	đã trình bày trên báo cáo kết quả VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngân hàng	310	60.355.021.792	63.596.564.488
Ngân hàng mua trả tiền trước	313	479.350.111	3.781.221.053
Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	430.964.197	824.603.994
Quyền khen thưởng, phúc lợi	323	453.968.043	-
Nợ dài hạn	330	3.322.367.342	20.496.400
Doanh thu chưa thực hiện	338	3.301.870.942	-
Văn bản số	400	201.324.826.011	201.385.154.257
Chênh lệch giá trị oái	416	(66.885.288)	(1.170.389.113)
Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420	5.494.293.999	6.204.158.027
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Chi phí tài chính	26	6.324.751.949	5.221.248.124
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ			
Lợi nhuận trước thuế	01	9.129.387.911	10.232.891.736
Lãi, chênh lệch giá trị oái chia thực hiện	04	1.340.835.835	237.332.010

Lưu ý, ngày 16 tháng 03 năm 2011

Người lập

Kiểm toán trưởng

Trưởng Giám đốc

Nguyễn Thị An

Nguyễn Thị Xuân

Hoàng Văn Hữu